

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 29/04/2025

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Chát

2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025** giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Mai Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm 8b, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị T, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn là chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh L sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn vợ chồng về xã H làm ăn sinh sống nhưng do tính chất công việc cũng thường xuyên phải đi làm ăn xa, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do cuộc sống bất đồng quan điểm vợ chồng không có tiếng nói chung và hôn nhân không hạnh phúc. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế anh chị sống ly thân nhau bốn năm nay, mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh L để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 11 tháng 06 năm 2012 hiện đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị nhận nuôi cháu Nguyễn Minh D và không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 30 tháng 1 năm 2025 bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Mai Thị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L không tu trí làm ăn, nghiện ma túy và hiện đang điều trị cai nghiện bằng thuốc Methadone tại Trung tâm y tế huyện K. Chị T đã bỏ đi ba năm nay đồng thời vợ chồng sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh cũng chưa đi tìm chị T về lần nào để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu trường hợp chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn anh vẫn không nhất trí, lý do là tôn giáo anh đang theo không cho phép tín đồ được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2012, hiện đang ở cùng chị T trong trường hợp phải ly hôn anh nhận nuôi cháu D và không yêu cầu chị T cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh L không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn anh L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của anh L, chị T là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2012, tại biên bản lấy lời khai của con ngày 28 tháng 3 năm 2025 nguyện vọng cháu D muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các

quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cho chị Mai Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2012. Anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Mai Thị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại: Xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Mai Thị T và vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L. Chị T, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn ngày ngày ngày 15 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xã H. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, bản thân anh L ham chơi, không chịu khó làm ăn, sớm đi vào con đường nghiện ngập. Cả chị T và anh L đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện anh chị đã sống ly thân nhau 3 năm nay không có biện pháp nào hàn gắn.

Tài liệu do chị T cung cấp hiện anh L đang điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone từ ngày 06 tháng 2 năm 2024 tại Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án anh L không đồng ý ly hôn vì lý do tôn giáo, tuy nhiên khi đã tiến hành các thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ đồng thời hòa giải để anh chị có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và tạo cơ hội cho anh chị về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung thì anh L đã từ chối không hòa giải điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thể hiện: Anh L và chị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm A, xã H một thời gian ngắn sau đó đi làm ăn xa. Khi dịch covid bùng phát anh chị về quê làm ăn sinh sống cùng gia đình anh L. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, kinh tế bấp bênh không có thu nhập nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Khoảng năm 2021, chị T bỏ về bố mẹ để chị T sinh sống và không sống cùng anh L nữa. Nay chị T ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau ba năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2012. Hiện cháu D đang ở cùng với chị T. Nay ly hôn cả chị T và anh L đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung của hai vợ chồng và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng và điều kiện chăm sóc con chung cho Tòa án để làm căn cứ xác định điều kiện và khả năng chăm sóc giáo dục con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với các con sau khi ly hôn. Anh L không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ gì. Đối với chị T tại đơn xin xác nhận ngày 25 tháng 4 năm 2025 chị T giao nộp cho Tòa án thể hiện chị T đang có công việc dọn dẹp vệ sinh tại Công ty TNHH X với mức thu nhập ổn định là 7.000.000đ/ tháng.

Như vậy, xét về khả năng kinh tế và điều kiện chăm sóc của cả hai anh chị đối với con chung thì chị T có điều kiện chăm sóc nuôi con tốt hơn anh L. Thực tế thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu D đang ở cùng chị T và chị T cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu D, anh L đang điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone từ ngày 06 tháng 2 năm 2024 tại Trung tâm y tế huyện K. Mặt khác qua tham khảo ý kiến, nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh D mong muốn được ở với mẹ. Để không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường con chung khi bố mẹ ly hôn và không làm thay đổi môi trường sống, học tập của cháu nên giao cháu Nguyễn Minh D cho chị Mai Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị T không yêu cầu nên không buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh L không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn L. (Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2012 cho chị Mai Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn L không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và anh chị có

quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh L không có tài sản chung và công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001952 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã C, huyện K.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh